

1. laugh: <u>cười</u>	
2. cry: <u>khóc</u>	
3. dance: <u>nhảy, múa</u>	
4. hop: <u>nhảy lò cò</u>	
5. fish: <u>câu cá</u>	
6. roller skate: <u>trượt patin</u>	

7. skip: nhảy (dây)



8. climb: trèo



9. hide: trốn



10. walk: đi bộ

